

Bản án số: 343/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020.

Về việc: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hoàng Vương**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đặng Mỹ Hạnh.**
2. Ông **Trần Quang Mẫn.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Minh Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thúy Nga**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 30 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 1, số 06 Lý Tự Trọng phường Bến Nghé Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 250/2019/TLST- DS ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3849/2020/QĐXX-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3974/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Hồ Minh T**, sinh năm: 1966;
Địa chỉ: 67 Tn, Phường R, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn thu hồi nợ U, địa chỉ: Số 8 Ph, Khu phố 2 phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồ Huy D, sinh năm: 1978. Địa chỉ: 91/5/14 Đường K, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh- (ông Dũng có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Anh T2**, sinh năm: 1969 – (Vắng mặt);
Địa chỉ: 100/14 Tr, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 24/4/2019, bản khai..., trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn có ông Nguyễn Hồ Huy D là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Hồ Minh T và ông Lê Anh T2 là chỗ quen biết nên ông T đã cho ông T2 mượn tiền nhiều lần từ tháng 12/2016, bao gồm:

- Ngày 16/12/2016, theo Giấy vay tiền đề ngày 16/12/2016, ông T2 mượn của ông T số tiền là 300.000.000 đồng và hẹn đến ngày 16/4/2017 sẽ hoàn trả lại.

- Ngày 20/01/2017, theo Giấy vay tiền đề ngày 20/01/2017, ông T2 mượn ông T số tiền 250.000.000 đồng.

- Ngày 03/3/2017, theo Giấy vay tiền đề ngày 03/3/2017, ông T2 mượn ông T số tiền 200.000.000 đồng.

- Ngày 24/11/2017, theo Giấy vay tiền đề ngày 24/11/2017, ông T2 mượn số tiền 180.000.000 đồng của ông T và hẹn ngày 01/12/2017 sẽ hoàn trả lại.

- Ngày 07/12/2017, theo Giấy vay tiền đề ngày 07/12/2017, ông T2 mượn ông T số tiền 300.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/12/2017 sẽ hoàn trả lại.

Tổng cộng ông Hồ Minh T đã cho ông Lê Anh T2 vay: 1.230.000.000 đồng.

Vì tin tưởng ông T2 nên ông T đã cho ông T2 mượn tiền nhiều lần. Tuy nhiên, từ ngày 16/12/2016 đến ngày 30/12/2017, ông T2 vẫn chưa trả cho ông T các khoản nợ nêu trên. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T2 vẫn không thực hiện. Qua tìm hiểu, ông T2 có sở hữu 1 khu đất, diện tích 1.179,5m² tại xã Long Hòa, huyện Cần Giuộc, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, cho thấy ông T2 có tài sản đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông vẫn né tránh không thực hiện. Vì vậy, nay ông Hồ Minh T khởi kiện với yêu cầu: Ông Lê Anh T2 trả lại cho ông Hồ Minh T số tiền 1.230.000.000 đồng và số tiền lãi 10%/ năm tính từ thời điểm 16/12/2016 đến thời điểm giải quyết vụ án. Ngày 3/9/2020 ông T, ông Dũng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Ông T xin rút phần yêu cầu đối với “Giấy vay tiền” đề ngày 20/01/2017, với khoản tiền đã cho vay là 250.000.000 đồng để có thời gian thỏa thuận lại với ông Lê Anh T2 về khoản vay này. Các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

* Bị đơn là ông Lê Anh T2 đã được Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án, hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa nhưng ông T2 đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến như sau:**

1. Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: Căn cứ vào các “giấy vay tiền” cụ thể nêu trên cho thấy: Giữa ông Hồ Minh T và ông Lê Anh T2 có quan hệ vay tài sản. Ông T nhiều lần yêu cầu ông T2 thanh toán các khoản vay nêu trên nhưng ông T2 vẫn không thanh toán. Tuy nhiên, trong các giấy thỏa thuận cho vay tiền không thỏa thuận về lãi. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông T2 phải thanh toán các khoản nợ nêu trên và tiền lãi tạm tính 10%/ năm. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Ngày 18/5/2020, Tòa án nhân dân Quận 1 đã có Quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết đứng tên Lê Anh T2 trong các giấy vay tiền ngày 16/12/2016, 20/01/2017, 03/03/2017, 24/11/2017, 07/12/2017 do Nguyên đơn cung cấp và chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Anh T2 trong Hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 05678 ngày 11/4/2017 có phải do một người viết và ký tên không.

Ngày 16/7/2020, Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có Kết luận giám định số 2676/C09B kết luận: chữ ký đứng tên Lê Anh T2 trên các Giấy

vay tiền đề ngày 03/03/2017, 24/11/2017, 07/12/2017 và chữ ký trên giấy vay ngày 16/12/2016 so với chữ viết đứng tên Lê Anh T2 trong Hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 05678 ngày 11/4/2017 là do cùng một người viết và ký ra; Không đủ cơ sở kết luận tương tự đối với các Giấy vay tiền đề ngày 20/01/2017 do nguyên đơn cung cấp. Do đó chỉ xác định được Bị đơn chính là người đã ký nhận đủ số tiền tại các Giấy vay tiền đề ngày 16/12/2016, 03/03/2017, 24/11/2017, 07/12/2017. Ngày 3/9/2020, ông T và Dũng (là đại diện theo ủy quyền của ông T cùng ông T ký đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay ngày 20/01/2017. Xét, việc rút đơn này là hoàn toàn tự nguyện và không trái qui định của pháp luật nên đề nghị Tòa án chấp nhận. Về yêu cầu tính lãi: Xét, do các bên không thỏa thuận lãi vay nên chỉ chấp nhận yêu cầu trả lãi do chậm thực nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn thanh toán. Bị đơn yêu cầu trả lãi 10%/ năm tính đến thời điểm Tòa án ra bản án trên số tiền nợ gốc là phù hợp theo qui định tại khoản 4 Điều 466 và Điều 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Do Bị đơn tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình thông qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật, vụ án được giải quyết trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở các chứng cứ hiện có, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Hồ Minh T có đơn khởi kiện ông Lê Anh T2 yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ phát sinh từ các “giấy vay tiền” nên đủ cơ sở xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Căn cứ kết quả xác minh ngày 01/7/2019 ông Lê Anh T2, sinh năm: 1969, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 100/14 Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ngày 14 tháng 9 năm 2020 Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án, do đó Tòa án xét xử vắng mặt Nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

[3] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, từ khi thụ lý vụ án, hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung khởi kiện của Nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Hồ Minh T khởi kiện yêu cầu Bị đơn ông Lê Anh T2 thanh toán số nợ gốc và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30/9/2020 theo các giấy vay tiền gồm: giấy vay tiền ngày 16/12/2016 ông T2 mượn của ông T số tiền là 300.000.000 đồng, hạn đến ngày 16/4/2017 sẽ hoàn trả lại; ngày 20/01/2017, ông T2 mượn ông T số tiền 250.000.000 đồng; ngày 03/3/2017, ông T2 mượn ông T số tiền 200.000.000 đồng; Ngày 24/11/2017, ông T2 mượn số tiền 180.000.000 đồng của ông T và hạn ngày 01/12/2017 sẽ hoàn trả lại; ngày 07/12/2017, ông T2 mượn ông T số tiền 300.000.000 đồng và hạn đến ngày 30/12/2017 sẽ hoàn trả lại.

Tổng cộng ông Lê Anh T2 phải trả cho ông Hồ Minh T số tiền gốc là: 1.230.000.000 đồng.

[4.1]. Ngày 3/9/2020 ông T, ông Dũng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Ông T xin rút phần yêu cầu đối với “Giấy vay tiền” đề ngày 20/01/2017, với khoản tiền đã cho vay là 250.000.000 đồng để có thời gian thỏa thuận lại với ông Lê Anh T2 về khoản vay này. Xét thấy, việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận theo qui định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

[4.2]. Về yêu cầu tính lãi chậm trả: Căn cứ vào các “Giấy vay tiền” nêu trên thì giữa các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu thanh toán lãi chậm trả theo mức lãi quá hạn 10%/năm. Xét, theo qui định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 468 thì ông T được yêu cầu ông T2 thanh toán 50 % mức lãi suất giới hạn theo qui định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ. Tại khoản 1 lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/ năm. Như vậy, ông T yêu cầu ông T2 thanh toán mức lãi 10%/ năm là phù hợp qui định của pháp luật nên được chấp nhận, cụ thể như sau:

- Khoản vay ngày 16/12/2016 ông T2 mượn của ông T số tiền là 300.000.000 đồng hạn đến ngày 16/4/2017. Như vậy, khoản lãi chậm trả được tính từ ngày 17/4/2017 đến ngày xét xử là 30/9/2020 là: 103.230.000 đồng; (1).

- Khoản vay ngày 03/3/2017, ông T2 mượn ông T số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 3/5/2017 ông T thông báo yêu cầu ông T2 thanh toán vào ngày 3/6/2017. Như vậy, lãi chậm trả được tính từ ngày 4/6/2017 đến ngày 30/9/2020 số tiền là: 66.020.000 đồng; (2).

- Ngày 24/11/2017, ông T2 mượn số tiền 180.000.000 đồng của ông T và hạn ngày 01/12/2017 sẽ hoàn trả lại nhưng vẫn không trả nên lãi chậm trả được tính từ ngày 02/12/2017 đến ngày 30/9/2020 là: 50.454.000 đồng; (3).

- Ngày 07/12/2017, ông T2 mượn ông T số tiền 300.000.000 đồng và hạn đến ngày 30/12/2017 sẽ hoàn trả lại nhưng ông T2 vẫn không trả nên lãi chậm trả được tính từ ngày 31/12/2017 đến ngày 30/9/2020 là: 82.350.000 đồng; (4).

Tổng cộng lãi là: (1)+(2)+(3)+(4) = 302.054.000 đồng.

[5]. Xét thấy, việc ký kết hợp đồng vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội... nên theo qui định tại các Điều 121, 122, 123, 124 và các Điều 388, 389, 401, 402, 403, 404, 405, 471, 473, 474, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các Điều 116, 117, 118, 119, 385, 398, 399, 400, 401, 463, 464, 465, 466, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Ông T cho ông T2 vay nhiều lần tiền có ký văn bản xác nhận. Trong đó: có hai giấy vay tiền ngày 20/01/2017 và giấy vay tiền ngày 3/3/2017 là không có thời hạn thanh toán. Ông T đã gửi thông báo yêu cầu ông T2 thanh toán trong thời hạn 01 tháng nhưng ông T2 vẫn không thanh toán. Theo qui định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 “hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận của các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay ...” và tại khoản 1, khoản 4 Điều 466 qui định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn và trả lãi...”.

[7]. Đối với khoản vay không có kỳ hạn thì theo qui định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 qui định “đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Như vậy, ông T đã thông báo và yêu cầu ông T2 phải thanh toán đối với hai khoản vay theo hai giấy vay tiền ngày 20/01/2017 và giấy vay tiền ngày 3/3/2017 biết trước 01 tháng là phù hợp với qui định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8]. Bị đơn ông Lê Anh T2 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án, hòa giải, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp cho ông T2 thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T2 đều vắng mặt không lý do nên Tòa án tiếp tục các thủ tục tố tụng như thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo việc giao nộp chứng cứ ...Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa theo qui định của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông T2;

[9]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu quan điểm đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; đình chỉ đối với phần yêu cầu Nguyên đơn rút. Đồng thời, căn cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Do Bị đơn tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình thông qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật, vụ án được giải quyết trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[10]. Quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn có đề nghị Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ là các tài liệu tại Văn phòng Công chứng Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu Tòa án Trung cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên tại Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công An tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 16/7/2020 Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công An tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“1. Chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Anh T2 trên ba (03) tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A3 đến A5), chữ viết trên tài liệu ký hiệu A1 nêu tại mục II.1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Anh T2 tại trang “trang 2, trang 3” và dưới mục “BÊN A (Ký và ghi rõ họ tên)” tại trang 4 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) nêu tại II.2 là do cùng một người ký và viết ra”.

[11] Từ những nhận định trên căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn

thanh toán số tiền còn nợ gồm: Nợ gốc: 980.000.000 đồng, lãi chậm trả là 302.054.000 đồng, tổng cộng là 1.282.054.000 đồng.

[12] Về thời hạn thanh toán: Xét, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán một lần số tiền nợ gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp pháp với qui định của pháp luật qui định nên được chấp nhận.

[13]. Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận sự tự nguyện chịu chi phí giám định của Nguyên đơn ông Hồ Minh T và ông T không có yêu cầu gì nên căn cứ các Điều 102, 159, 160, 161, 162 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không xem xét.

[14]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tính trên số tiền phải trả cho Nguyên đơn.

[15]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 102, 159, 160, 161, 162, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 121, 122, 123, 124 và các Điều 388, 389, 401, 402, 403, 404, 405, 471, 473, 474, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các Điều 116, 117, 118, 119, 357, 385, 398, 399, 400, 401, 463, 464, 465, 466, 468, 469, 470, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án; Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc ông Lê Anh T2 phải trả cho ông Hồ Minh T số tiền là: Nợ gốc: 980.000.000 đồng (chín trăm tám mươi triệu đồng), lãi là 302.054.000 (ba trăm lẻ hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng là 1.282.054.000 đồng (một tỷ hai trăm tám mươi hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn do Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng theo “Giấy vay tiền” ngày 20/01/2017.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Ông Lê Anh T2 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 50.461.620 (năm mươi triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm hai mươi) đồng.

3.2 Ông Hồ Minh T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Hồ Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.637.040 (hai mươi tám triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007633 ngày 06/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- Chi cục THA Dân sự Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Hoàng Vương